



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
VÀ THIẾT BỊ BÌNH THUẬN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	5 - 6
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 - 30
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	

M.S.D.A.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Thuận theo Quyết định số 2734/QĐ-CTUBBT ngày 07/06/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4803000042 ngày 01/09/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/06/2020 với mã số doanh nghiệp là 3400393632), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 11.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2021: 11.000.000.000 đồng.

Trong đó, phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm tỷ lệ 40% vốn điều lệ.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 52/GCN-TTGDHN ngày 28/11/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là BST. Ngày chính thức giao dịch là ngày 18/12/2008.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 70 Nguyễn Văn Trỗi - Thành phố Phan Thiết - Tỉnh Bình Thuận
- Điện thoại: (84) 252 3816 118
- Fax: (84) 252 3817 595
- Website: www.stbbt.com.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị giáo dục văn phòng phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Mở siêu thị, cho thuê văn phòng;
- Xây dựng nhà các loại;
- In ấn;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng;
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Phát hành các loại ấn phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đầu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đầu tư vốn hoạt động tài chính (chứng khoán, cổ phần);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh đồ chơi trẻ em (Không kinh doanh các loại đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 36 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 3 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Trần Văn Hưng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28/05/2020
• Ông Nguyễn Văn So	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/05/2020
• Ông Vũ Bùi Biển	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/05/2020
• Ông Nguyễn Minh Hà	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020
• Ông Nguyễn Khoa Tuyền	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020

Ban kiểm soát

• Ông Đỗ Huy Kiên	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28/05/2020
• Ông Lê Trung Nhân	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020
• Ông Vương Trí Thịnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/05/2020

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Minh Hà	Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020
• Ông Trần Hữu Sơn	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2020
• Ông Nguyễn Khoa Tuyền	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dong.vnn.vn).

Trách nhiệm của Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đưa ra các phân đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Hà
Phan Thiết, ngày 11 tháng 08 năm 2021



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@daang.vn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 848/2021/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ lập ngày 09/08/2021 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

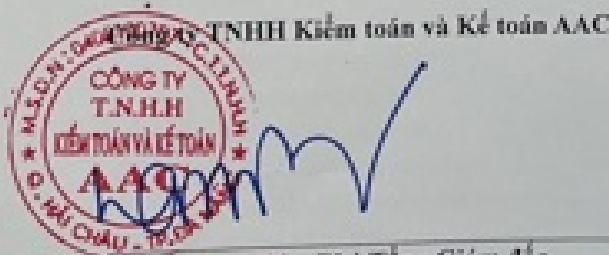
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2021 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 08 năm 2021

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:
47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:
Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 8, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (24) 3224 2433; Fax: +84 (24) 3224 2402

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 12/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.503.310.844	16.995.414.549
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		668.427.182	2.127.399.521
1. Tiền	111	5	668.427.182	2.127.399.521
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	6.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	6.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.025.752.240	4.452.552.192
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	16.869.734.225	3.931.286.069
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.225.079	225.586.855
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	98.791.324	130.628.316
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	265.581.532	376.630.672
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(211.579.720)	(211.579.720)
IV. Hàng tồn kho	140	10	12.809.131.422	4.399.410.941
1. Hàng tồn kho	141		12.809.131.422	4.744.271.202
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(344.860.261)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	16.051.895
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	10.110.239
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	5.941.656
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.192.386.221	1.289.723.861
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	17.500.002
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	17.500.002
II. Tài sản cố định	220		571.446.221	629.887.859
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	571.446.221	629.887.859
- Nguyên giá	222		3.437.883.936	3.437.883.936
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.866.437.715)	(2.807.996.077)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		83.000.000	83.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(83.000.000)	(83.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	-	-
- Nguyên giá	231		210.725.800	210.725.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(210.725.800)	(210.725.800)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		620.940.000	642.336.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	727.920.000	727.920.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(106.980.000)	(85.584.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		31.695.697.065	18.285.138.410

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		17.924.739.819	4.184.762.323
I. Nợ ngắn hạn	310		17.924.739.819	4.184.762.323
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	15.876.904.264	2.013.775.592
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	230.302.157	244.247.679
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	173.065.093	95.295.176
4. Phải trả người lao động	314		975.008.935	1.052.932.558
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		22.500.000	45.000.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		45.454.545	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	48.422.661	37.995.673
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	386.969.670	321.399.060
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		166.112.494	374.116.585
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13.770.957.246	14.100.376.087
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	13.770.957.246	14.100.376.087
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		112.410.011	112.410.011
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	1.748.741.163	1.748.741.163
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	909.806.072	1.239.224.913
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		139.224.913	79.307.511
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		770.581.159	1.159.917.402
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		31.695.697.065	18.285.138.410



Giám đốc

Nguyễn Văn Hà

Phan Thiết, ngày 09 tháng 08 năm 2021

Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Tuyển

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyển

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021 VND	6 tháng đầu năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	31.886.930.517	8.702.595.160
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	375.811.633	26.549.590
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		31.511.118.884	8.676.045.570
4. Giá vốn hàng bán	11	24	27.142.720.160	7.230.906.225
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		4.368.398.724	1.445.139.345
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	139.816.880	161.368.917
7. Chi phí tài chính	22	26	156.149.088	103.583.286
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		19.770.838	13.493.998
8. Chi phí bán hàng	25	27a	2.430.282.132	969.674.062
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27b	965.960.677	357.088.037
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		955.823.707	176.162.877
11. Thu nhập khác	31	28	9.152.742	10.665.992
12. Chi phí khác	32		2.000.000	2.811.680
13. Lợi nhuận khác	40		7.152.742	7.854.312
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		962.976.449	184.017.189
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	192.395.290	36.383.437
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		770.581.159	147.633.752
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	701	134
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	701	134



Phan Thiết, ngày 09 tháng 08 năm 2021

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyên

Nguyễn Khoa Tuyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021


Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		18.596.738.381	5.282.328.180
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(22.891.775.574)	(9.845.966.531)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.177.576.132)	(1.851.937.205)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	26	(19.770.838)	(13.493.998)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	17	(95.300.423)	(42.147.337)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.064.142.802	661.554.907
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.167.903.372)	(1.121.396.346)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.691.445.156)	(6.931.058.330)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(60.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		6.049.336.994	7.098.273.978
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8, 25	186.375.213	351.564.750
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.235.712.207	7.389.838.728
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	19	1.175.570.610	188.714.535
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	19	(1.110.000.000)	(179.818.045)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	20	(1.100.000.000)	(1.100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.034.429.390)	(1.091.103.510)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.458.972.339)	(632.323.112)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	2.127.399.521	1.308.442.328
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	668.427.182	676.119.216


Giám đốc

Minh Hà
Phan Thiết, ngày 09 tháng 08 năm 2021

Kế toán trưởng


Nguyễn Khoa Tuyền

Người lập biểu


Nguyễn Khoa Tuyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Thuận theo Quyết định số 2734/QĐ-CTUBBT ngày 07/06/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4803000042 ngày 01/09/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/06/2020 với mã số doanh nghiệp là 3400393632), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị giáo dục văn phòng phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Mô siêu thị, cho thuê văn phòng;
- Xây dựng nhà các loại;
- In ấn;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng;
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Phát hành các loại ấn phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đầu tư vốn hoạt động tài chính (chứng khoán, cổ phần);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh đồ chơi trẻ em (Không kinh doanh các loại đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội).

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021 (bắt đầu từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc dự phòng được thực hiện như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	Hết khấu hao

4.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tồn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được tính dựa vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	Hết khấu hao

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là khoản tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

4.11 Vay và các khoản nợ thuế tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó đang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản đó đang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo quyết định của Đại hội cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và cổ cần nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến các luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; Thiết bị văn phòng, từ điển áp dụng mức thuế suất 5%; Các mặt hàng khác như tem, nhãn, mẫu biểu, thiết bị... áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2021	01/01/2021
Tiền mặt	36.715.000	34.941.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	631.712.182	2.092.458.521
Cộng	668.427.182	2.127.399.521

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2021	01/01/2021
Hoàng Thị Hương	405.448.762	-
Nguyễn Thị Tuyết	452.431.445	3.307.604
Các đối tượng khác	16.011.854.018	3.927.978.465
Cộng	16.869.734.225	3.931.286.069

7. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Cán bộ công nhân viên (i)	98.791.324	130.628.316
Cộng	98.791.324	130.628.316

(i) Cho cán bộ công nhân viên vay vốn không có tài sản thế chấp với thời hạn từ 24 tháng đến 30 tháng, lãi suất cho vay từ 7%/năm. Các khoản cho vay này đã đến hạn phải thu trong vòng 12 tháng tới.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	20.788.332	-	8.001.000	-
Ký quỹ, ký cược	233.911.000	-	318.457.000	-
Lãi dự thu	-	-	46.558.333	-
Phải thu khác	10.882.000	-	3.614.339	-
Cộng	265.581.332	-	376.630.672	-

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2021	01/01/2021
Dự phòng cho khoản nợ phải thu quá hạn	211.579.720	211.579.720
- Từ 1 năm đến 2 năm	22.540.383	22.540.383
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	71.344.469	71.344.469
- Từ 3 năm trở lên	117.694.868	117.694.868
Cộng	211.579.720	211.579.720

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

10. Hàng tồn kho

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	12.809.131.422	-	4.744.271.202	(344.860.261)
Cộng	12.809.131.422	-	4.744.271.202	(344.860.261)

- Không có hàng tồn kho kém phẩm chất, khó tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2021.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2021.

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	1.984.596.285	1.082.872.651	370.415.000	3.437.883.936
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>1.984.596.285</u>	<u>1.082.872.651</u>	<u>370.415.000</u>	<u>3.437.883.936</u>
Khấu hao				
Số đầu kỳ	1.505.326.783	946.136.794	356.532.500	2.807.996.077
Khấu hao trong kỳ	14.746.732	39.067.386	4.627.500	58.441.638
Số cuối kỳ	<u>1.520.073.535</u>	<u>985.204.180</u>	<u>361.160.000</u>	<u>2.866.437.715</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	479.269.502	136.735.857	13.882.500	629.887.859
Số cuối kỳ	<u>464.522.750</u>	<u>97.668.471</u>	<u>9.255.000</u>	<u>571.446.221</u>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2021 là 1.890.980.570 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2021.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

12. Tài sản cố định vô hình

TSCĐ vô hình là phần mềm máy tính có nguyên giá 83.000.000 đồng, đã khấu hao hết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

13. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	210.725.800	210.725.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<u>210.725.800</u>	<u>210.725.800</u>
Khấu hao lũy kế		
Số đầu kỳ	210.725.800	210.725.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<u>210.725.800</u>	<u>210.725.800</u>
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	-	-
Số đánh cuối kỳ	-	-

- Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2021 là 210.725.800 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2021		01/01/2021						
	Tình hình hợp đồng	Tỷ lệ định vốn	Số lượng cổ phần	Giá gốc	Dư phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dư phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương (I)	Dang hoạt động	5%	30.000	300.000.000	-	-	300.000.000	-	
Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (BMDX)(I)	Dang hoạt động	1,55%	42.792	427.920.000	(106.980.000)	(106.980.000)	427.920.000	(85.584.000)	342.336.000
Cộng				727.920.000	(106.980.000)	(106.980.000)	727.920.000	(85.584.000)	342.336.000

(i) Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty Cổ phần Sách TBGD Bình Dương có lãi, vốn chủ sở hữu được báo toán. Cổ phiếu của Công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích dự phòng.

(ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (mã chứng khoán BMD) được xác định căn cứ theo giá tại Sở Giao dịch chứng khoán HS Nội vào ngày 30/06/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	3.212.656.721	230.000.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	7.913.741.640	-
Các đối tượng khác	4.750.505.903	1.783.775.592
Cộng	15.876.904.264	2.013.775.592

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2021	01/01/2021
Công ty CP Sách Giáo dục tại TPHCM	Chung Công ty đầu tư	688.775.460	129.218.290
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư	281.019.998	177.444.839
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư	3.212.656.721	230.000.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư	7.913.741.640	-
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	80.031.985	80.031.985
Cộng		12.176.225.804	616.695.114

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Bệnh Viện An Phước	27.182.000	-
Hiệu sách Phương Thảo (TP)	30.091.685	-
Nguyễn Thị Bích Dung	49.998.406	-
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng các Công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tỉnh Bình Thuận	36.950.000	36.950.000
Các đối tượng khác	86.080.066	207.297.679
Cộng	230.302.157	244.247.679

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	120.028.465	79.973.717	-	40.052.748
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	25.986.817	192.395.290	93.300.423	-	123.081.684
Thuế thu nhập cá nhân	-	69.308.339	56.101.447	113.479.145	-	9.930.661
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	5.941.636	-	29.770.835	23.829.179	-	-
Thuế môn bài	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Cộng	5.941.636	95.295.176	403.296.037	319.584.464	-	173.065.093

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2021	01/01/2021
Kinh phí công đoàn	45.327.708	34.657.000
Bảo hiểm xã hội	378.933	3.338.673
Phải trả khác	2.716.020	-
Cộng	48.422.661	37.995.673

19. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Cán bộ công nhân viên trong Công ty	321.399.060	175.570.610	110.000.000	386.969.670
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Thuận	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-
Cộng	321.399.060	1.175.570.610	1.110.000.000	386.969.670

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2020	11.000.000.000	112.410.011	1.672.304.163	1.179.307.511	13.964.021.685
Tăng trong kỳ	-	-	76.437.000	1.526.816.402	1.603.253.402
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.466.899.000	1.466.899.000
Số dư tại 31/12/2020	11.000.000.000	112.410.011	1.748.741.163	1.239.224.913	14.100.376.087
Số dư tại 01/01/2021	11.000.000.000	112.410.011	1.748.741.163	1.239.224.913	14.100.376.087
Tăng trong kỳ	-	-	-	770.581.159	770.581.159
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.100.000.000	1.100.000.000
Số dư tại 30/06/2021	11.000.000.000	112.410.011	1.748.741.163	909.806.072	13.770.957.246

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2021	01/01/2021
Vốn góp của Công ty TNHH MTV NXB GD Việt Nam	4.400.000.000	4.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.600.000.000	6.600.000.000
Cộng	11.000.000.000	11.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	11.000.000.000	11.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	11.000.000.000	11.000.000.000
Cổ tức đã chia	1.100.000.000	1.100.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

d. Cổ phiếu

	30/06/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.100.000	1.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VNĐ		

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	1.239.224.913	1.179.307.511
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	770.581.159	147.633.752
Phân phối lợi nhuận	1.100.000.000	1.100.000.000
Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	1.100.000.000	1.100.000.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông	1.100.000.000	1.100.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	909.806.072	126.941.263

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 46/NQ-ĐHCD-2021 ngày 23/04/2021.

f. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 23/04/2021 đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ, tương ứng 1.100.000.000 đồng. Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong 6 tháng đầu năm 2021.

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý	VND	Nguyên nhân xóa nợ
DNTN Hoàng Hải	16.250.000	Nợ không thu hồi được
Công ty TNHH Quản lý Dự án Kiên Long	43.250.000	Nợ không thu hồi được
Đỗ Đình Nam	52.832.481	Nợ không thu hồi được
Nguyễn Thị Ngọc	57.791.666	Nợ không thu hồi được
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế ECENTER Phan Thiết	30.000.000	Nợ không thu hồi được
Nguyễn Thị Mộng Thu	17.563.106	Nợ không thu hồi được
Các đối tượng khác	87.545.924	
Cộng	305.233.177	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Doanh thu bán sách giáo khoa	24.321.425.193	5.873.533.472
Doanh thu bán sách tham khảo	547.437.502	343.271.545
Doanh thu bán thiết bị giáo dục	2.565.788.350	822.799.818
Doanh thu bán hàng hóa khác	4.406.824.926	1.662.990.325
Doanh thu cho thuê văn phòng	45.454.546	-
Cộng	31.886.930.517	8.702.595.160

22.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là doanh thu thuần

22.2. Các khoản thu hồi hàng bán hàng phải thanh toán là:

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Hàng bán bị trả lại	375.811.633	26.549.590
Cộng	375.811.633	26.549.590

24. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Giá vốn sách giáo khoa	21.847.918.599	5.242.635.890
Giá vốn sách tham khảo	351.633.540	218.181.810
Giá vốn thiết bị giáo dục	2.050.964.511	651.807.514
Giá vốn hàng hóa khác	3.237.063.771	1.118.281.011
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(344.860.261)	-
Cộng	27.142.720.160	7.230.906.225

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	109.816.880	131.368.917
Cổ tức, lợi nhuận được chia	30.000.000	30.000.000
Cộng	139.816.880	161.368.917

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

26. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Chi phí lãi vay	19.770.838	13.493.998
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	114.982.250	90.089.288
Dự phòng tổn thất đầu tư	21.396.000	-
Cộng	156.149.088	103.583.286

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Chi phí nhân công	1.664.783.380	475.121.603
Chi phí khấu hao TSCĐ	43.694.886	43.694.886
Chi phí tuyên truyền quảng cáo, môi giới	202.579.270	75.931.000
Các khoản khác	519.224.596	374.926.573
Cộng	2.430.282.132	969.674.062

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Chi phí nhân công	678.981.019	182.907.371
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	74.715.817	67.894.863
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.746.752	14.746.752
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(59.614.370)
Các khoản khác	197.517.089	151.153.421
Cộng	965.960.677	357.088.037

28. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Thu nhập từ trưng bày, quảng cáo	9.090.909	-
Thu nhập khác	61.833	10.665.992
Cộng	9.152.742	10.665.992

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	962.976.449	184.017.189
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(1.000.000)	(2.100.000)
- Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	29.000.000	27.900.000
- Điều chỉnh giảm (Cổ tức và lợi nhuận được chia)	30.000.000	30.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	961.976.449	181.917.189
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	192.395.290	36.383.437
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	192.395.290	36.383.437
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

30. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	770.581.159	147.633.752
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	770.581.159	147.633.752
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.100.000	1.100.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	701	134

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Chi phí nhân công	2.343.764.399	658.028.974
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.441.638	58.441.638
Chi phí dịch vụ mua ngoài	417.807.940	330.497.233
Chi phí khác bằng tiền	576.228.832	339.408.624
Cộng	3.396.242.809	1.386.376.469

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

32. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về tỷ giá, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Công ty thường vay ngắn hạn cán bộ công nhân viên khi cần bổ sung vốn lưu động. Đây là những khoản vay với lãi suất thỏa thuận, ổn định và được xác định tại thời điểm nhận nợ. Do đó, Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa chủ yếu là sách, thiết bị trường học từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động thương mại, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa mua vào. Để quản lý rủi ro biến động về giá cả, công ty đã ký kết các hợp đồng nguyên tắc với mức chiết khấu phù hợp và ổn định. Mặt khác, giá cả của các loại hàng hóa này thường ít biến động nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động kinh doanh ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Công ty bán hàng theo hai phương thức sau: thông qua các đại lý và trực tiếp bán tại các cửa hàng.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp tùy vào các phương thức bán hàng:

- Bán hàng qua các đại lý: Các đại lý được khuyến khích trả tiền sớm để hưởng các mức chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán tốt, trước khi nhận hàng phải trả dứt điểm đợt hàng trước.
- Bán hàng trực tiếp: Thu bằng tiền mặt, không có rủi ro tín dụng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

<u>30/06/2021</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	15.876.904.264	-	15.876.904.264
Chi phí phải trả	22.500.000	-	22.500.000
Vay và nợ thuê tài chính	386.969.670	-	386.969.670
Cộng	16.286.373.934	-	16.286.373.934
<u>01/01/2021</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	2.013.775.592	-	2.013.775.592
Chi phí phải trả	45.000.000	-	45.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	321.399.060	-	321.399.060
Cộng	2.380.174.652	-	2.380.174.652

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>30/06/2021</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	668.427.182	-	668.427.182
Đầu tư tài chính	-	620.940.000	620.940.000
Phải thu khách hàng	16.718.540.135	-	16.718.540.135
Phải thu về cho vay	38.405.694	-	38.405.694
Phải thu khác	244.793.000	-	244.793.000
Cộng	17.670.166.011	620.940.000	18.291.106.011
<u>01/01/2021</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.127.399.521	-	2.127.399.521
Đầu tư tài chính	-	642.336.000	642.336.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Phải thu khách hàng	3.780.091.979	-	3.780.091.979
Phải thu về cho vay	70.242.686	17.500.002	87.742.688
Phải thu khác	368.629.672	-	368.629.672
Cộng	12.346.363.858	659.836.002	13.006.199.860

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

33. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020	
Mua hàng			
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Sách bộ trợ, sách tham khảo	17.471.379.695	6.303.141.171
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Sách bộ trợ, sách tham khảo	701.033.000	1.031.930.040
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Sách bộ trợ, sách tham khảo	680.334.905	345.911.561
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Sách bộ trợ, sách tham khảo	9.012.969.803	4.671.577.765
Công ty CP Sách Dân tộc Hà Nội	Sách bộ trợ, sách tham khảo	-	15.231.470

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Nội dung	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Trần Văn Hưng	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	9.200.000	7.500.000
Nguyễn Văn Sơ	Thành viên HĐQT	Thù lao	7.400.000	8.900.000
Nguyễn Minh Hà	Giám đốc	Lương thưởng	77.983.000	49.973.154
	Thành viên HĐQT	Thù lao	7.600.000	7.400.000
Nguyễn Khoa Tuyển	Thành viên HĐQT	Thù lao	7.800.000	7.400.000
Vũ Bài Biên	Thành viên HĐQT	Thù lao	8.000.000	1.200.000
Đỗ Huy Kiên	Trưởng ban kiểm soát	Thù lao	5.000.000	800.000
Lê Trung Nhân	Thành viên BKS	Thù lao	3.600.000	3.600.000
Vương Trí Thành	Thành viên BKS	Thù lao	3.800.000	600.000
Trần Hữu Sơn	Phó Giám đốc	Lương thưởng	57.773.000	35.375.615
		Thù lao	-	3.200.000
Trần Ngọc Trang	Thành viên HĐQT	Thù lao	-	6.200.000
Bùi Đình Thiệu	Trưởng ban kiểm soát	Thù lao	-	4.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.

Giám đốc



Đinh Hà

Phan Thiết, ngày 09 tháng 08 năm 2021

Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Tuyên

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyên